



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

AN GIANG FISHERIES IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

**ANNUAL
REPORT
2022**



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

www.agifish.com.vn



ANNUAL

REPORT

2022

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022





MỤC LỤC

1.	Thông tin chung	07
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông tin khái quát. 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh. 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý. 4. Định hướng phát triển. 5. Các rủi ro. 	
2.	Tình hình hoạt động trong năm	13
	<ul style="list-style-type: none"> 6. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. 7. Tổ chức và nhân sự. 8. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án. 9. Tình hình tài chính. 10. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu. 11. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty. 	
3.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	22
	<ul style="list-style-type: none"> 12. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. 13. Tình hình tài chính. 14. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. 15. Kế hoạch phát triển trong tương lai. 16. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán. 17. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty. 	
4.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	26
	<ul style="list-style-type: none"> 18. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty. 19. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty. 20. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị. 	
5.	Quản trị Công ty	29
	<ul style="list-style-type: none"> 21. Hội đồng quản trị. 22. Ban Kiểm soát. 23. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát. 	
6.	Báo cáo Tài chính	37



I.

Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company)

Tên viết tắt: AGIFISH Co.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1600583588, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 21, ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ: 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 281.097.430.000 đồng.

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (0296) 3852 939 – 3852 368
Fax: (0296) 3852 202

Email: agifish.co@agifish.com.vn

Website: www.agifish.com.vn

Mã cổ phiếu: AGF

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thủy sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐUB của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995.

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Hiệp hội Cá tra Việt Nam (VPA), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005. Các tiêu chuẩn ASC cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: DL07, DL08, DL09, DL360; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” liên tục từ năm 2003 đến 2020 do người tiêu dùng bình chọn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

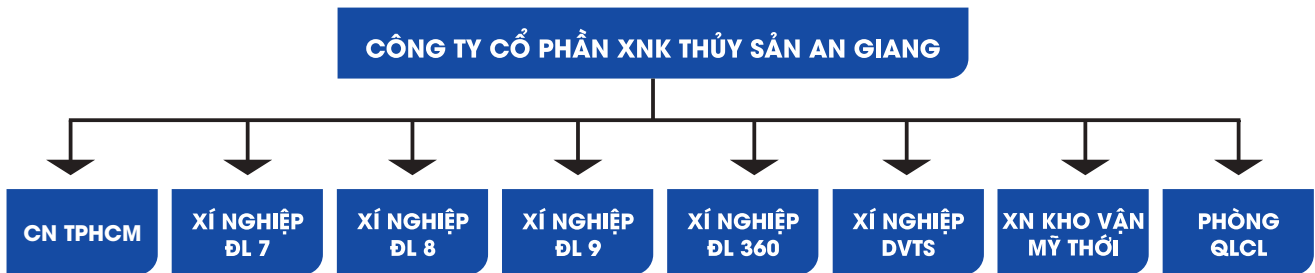
STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	<p>Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, chế biến các sản phẩm từ thủy sản.</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu biodiesel từ mỡ cá</p> <p>(trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết.)</p>	1020 (chính)
2	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Mua bán thuốc thú y, thủy sản</p> <p>Chi tiết: mua bán vật tư nguyên liệu, hóa chất phục vụ cho sản xuất (không mang tính độc hại)</p> <p>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết.)</p>	4669
3	<p>Nuôi trồng thủy sản nội địa</p> <p>Chi tiết: Nuôi thủy sản</p>	0322
4	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hoá</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thủy sản</p>	5210
5	<p>Bán buôn thực phẩm</p>	4632

Agifish cung cấp cho thị trường sản phẩm giá trị gia tăng từ cá Tra trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý của Agifish và các hệ thống phân phối trong cả nước ... sản phẩm cá tra Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm, với giá cả hợp lý, góp phần tạo dựng uy tín của sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu và Nga.

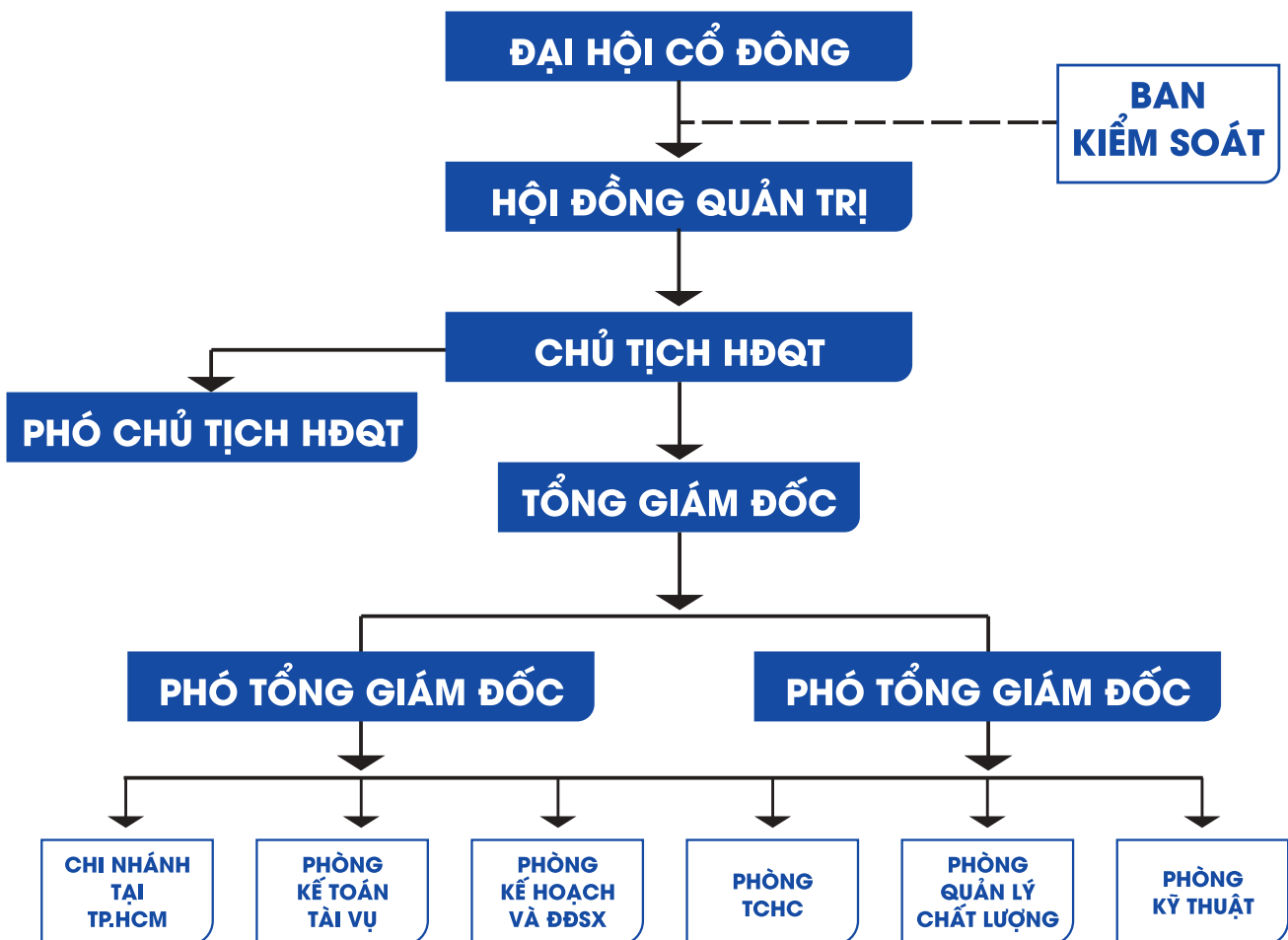


3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty



Mô hình Quản trị Công ty





Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An giang

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (0296) 3852 368 – 3852 939 Fax: (0296) 3852 202

Chi nhánh Công ty tại TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3825 1100 – (028) 3829 9767 Fax: (028) 3822 5022

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
Điện thoại: (0296) 3854 241

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An

Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: (0296) 3836 221
Fax: (0296) 3836 254

Xí nghiệp Đông lạnh AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.

Điện thoại: (0296) 3958999
Fax: (0296) 3958888

Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (0296) 3857 590

Xí nghiệp Dịch vụ Thủy sản

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P.

Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (0296) 395408

Xí nghiệp Kho vận Mỹ Thới

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: (0296) 3930378

- Các Công ty có liên quan:

Công ty mẹ: Công ty cổ phần Hùng Vương

Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 79,58%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Thanh lý, cho thuê, thu gọn các vùng nuôi; chỉ tập trung cho những vùng nuôi đạt tiêu chuẩn BAP, ASC và đảm bảo chất lượng nuôi hiệu quả, đáp ứng khoảng 20% nhu cầu sản xuất của các nhà máy chế biến;

Tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập cho người lao động để duy trì lực lượng lao động nông cốt có tay nghề cao;

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng mới thay thế những khách hàng truyền thống đã mất. Tăng cường năng lực quản lý trong sản xuất để hạ giá thành đủ sức cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng mới;

Duy trì hoạt động liên tục cho một nhà máy và đẩy mạnh việc cho gia công các nhà máy còn lại; Thu nhập doanh nghiệp đủ bù chi phí và có lợi nhuận; cắt giảm các chi phí tài chính và các khoản nợ khó đòi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tập trung đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới, duy trì khách hàng truyền thống bằng các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Từng bước củng cố, khôi phục lại sản xuất các nhà máy;

Tập trung phát triển sản xuất một số sản phẩm giá trị gia tăng từ cá Tra có đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại ở thị trường trong nước mang lại hiệu quả.

Giữ vững thương hiệu Agifish vẫn là thương hiệu mạnh, để đáp ứng lòng tin khách hàng, từng bước khôi phục lại qui mô của Công ty, đưa công ty dần phát triển trở lại, tạo ra lợi ích cho cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

Thu gọn, cho thuê các vùng nuôi để trống, tập trung nguồn lực cho các nhà máy chế biến, giảm hạn mức vay ở các tổ chức tín dụng để giảm lãi vay, dần đưa Công ty trở lại hoạt động có hiệu quả.

Tập trung cải tiến hệ thống máy móc thiết bị, nâng cao năng suất hoạt động; Cải tiến qui trình sản xuất nâng cao năng suất lao động để hạ giá thành sản xuất đủ sức cạnh tranh.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Hạn chế các chất thải nguy hại ra môi trường, tận dụng tái sinh các thất thải có thể phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại địa phương, góp phần ổn định kinh tế, chính trị, an ninh trật tự tại địa phương nơi các đơn vị đặt trụ sở.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương



5. Các rủi ro:



- Thị trường xuất khẩu:

Do thiếu nguồn vốn, Công ty không tự chủ được nguồn nguyên liệu sản xuất, không đáp ứng được các đơn hàng theo yêu cầu khách hàng, hệ quả là khách hàng ngày càng bị thu hẹp; Sản xuất không đủ sản lượng để hạ giá thành, dẫn đến khả năng cạnh tranh thấp so với các đơn vị khác. Một số thị trường xuất khẩu ở Châu Á, như Trung Quốc, HongKong... bị ảnh hưởng do biến động chính trị và chính sách phòng chống dịch Covid-19 từ Trung Quốc, lại tập trung nhiều doanh nghiệp chọn là thị trường chính, bên cạnh đó còn có các đơn vị nhỏ hợp tác cùng các doanh nghiệp Trung Quốc gia công ở Việt Nam mang về Trung Quốc tiêu thụ làm cho giá bán tại thị trường này không thể tăng kịp tốc độ tăng chi phí sản xuất như tiền lương, chế độ chính sách người lao động, các chi phí đầu vào dẫn đến kết quả kinh doanh khó đạt kết quả tốt.

Công ty chủ yếu xuất khẩu vào các thị trường Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông... Đây là những thị trường có mức lợi nhuận cao. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe. Công ty phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn nhất định và những tiêu chuẩn này thường xuyên thay đổi theo hướng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại các nước nhập khẩu dẫn tới các vụ kiện chống bán phá giá cũng là một trong những yếu tố làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, qua đó, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2023, đại dịch covid-19 tuy đã được kiểm soát nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là ở Trung Quốc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng, nhất là thị trường chủ lực ở Châu Á. Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine vẫn còn kéo dài ảnh hưởng đến

nền kinh tế toàn cầu, nguồn cung lương thực và nhiên liệu bị thiếu hụt, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân Châu Âu làm cho sức mua của người dân suy giảm.



- Nguồn tài chính:

Từ kết quả kinh doanh thua lỗ trong nhiều năm (đã âm vốn chủ sở hữu), các tổ chức tín dụng hạ thấp hạn mức vay của Công ty (lại giảm dần hạn mức vay từ 5-10%), làm cho nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh thiếu hụt, nguồn vốn dành cho nuôi trồng không có, chỉ đáp ứng cầm chừng trong việc nuôi để duy trì tiêu chuẩn cho các vùng nuôi, trong khi vùng nuôi có thể đáp ứng được khoảng 70% sản lượng nguyên liệu cho sản xuất, vì thế phải cho thuê các vùng nuôi trọng điểm có hiệu quả. Mặt khác, việc thiếu nguồn vốn là nguyên nhân bỏ lỡ thời cơ cho những đơn hàng có hiệu quả cao do không đủ nguyên liệu sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

Thiếu nguồn vốn, việc đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị phục vụ sản xuất không thể thực hiện trong khi hệ thống máy móc thiết bị của các nhà máy đã cũ kỹ, năng suất không cao dẫn đến hiệu quả sử dụng thấp ảnh hưởng đến doanh thu gia công, không đạt hiệu quả như kế hoạch.

- Dịch bệnh Covid-19:

Dịch bệnh Covid-19 tuy đã cơ bản được kiểm soát trên thế giới nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp khi các biến thể mới đã xuất hiện và nguy hiểm hơn, nhất là thị trường Trung Quốc, đây là thị trường chủ lực của các doanh nghiệp (tuy đã bỏ chính sách Zero covid) nhưng vẫn phải chịu sự



II.

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp trên thế giới, nhất là Trung Quốc đưa ra các chính sách kiểm soát dịch chặt chẽ, hạn chế hoạt động, đi lại của người dân, thu nhập giảm sút làm cho sức mua suy giảm ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị xuất khẩu;

Bên cạnh đó, do gặp khó khăn về tài chính,

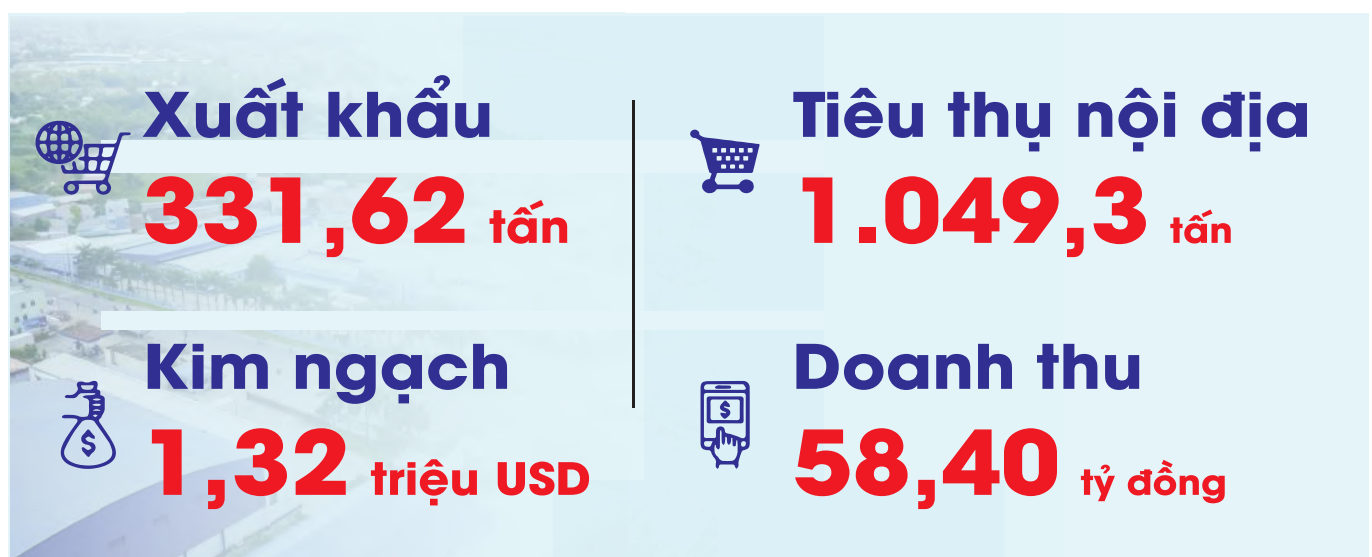
thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ cho sản xuất, không đủ sản lượng hàng cung cấp cho khách hàng dẫn đến thị trường xuất khẩu bị mất dần. Công ty chỉ tập trung sản xuất 01 nhà máy với công suất 20%, các nhà máy còn lại cho các đơn vị khác gia công nhằm đảm bảo các chi phí và thu nhập cho người lao động, nên hoạt động xuất khẩu chỉ đạt khoảng 20% so với năng lực.

Các nhà máy cho đơn vị khác gia công, vẫn hoạt động ổn định, có hiệu quả. Trong năm 2022, các nhà máy gia công sản xuất được:



Đối với thị trường trong nước, Agifish tiếp tục giữ vững danh hiệu **"Hàng Việt Nam chất lượng cao"** của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra Agifish, Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng có chất lượng cao, tăng giá trị xuất khẩu, để đạt

hiệu quả bù đắp cho các sản phẩm fillet bị cắt giảm; Song, thị trường trong nước lại giảm do thu hẹp hệ thống phân phối; xuất khẩu giảm mạnh do ảnh hưởng dịch Covid-19. Trong năm tài chính 2022, sản lượng hàng giá trị gia tăng giảm so với cùng kỳ. Cụ thể:





Hơn 30% sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ tại các hệ thống đại lý và nhà phân phối trên cả nước.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Các chỉ tiêu kế hoạch như: kim ngạch xuất khẩu, doanh thu, lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đề ra. Một số nguyên nhân chính là:

- Năm 2022 được xem là năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Xung đột tại Ukraine gây ra cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu, kéo lạm phát nhiều nơi lên mức cao kỷ lục, buộc các Ngân hàng Trung ương ở ạt nâng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ và đẩy nền kinh tế đến bờ vực suy thoái.

- Tình hình dịch bệnh covid 19 trên toàn thế giới cơ bản đã được kiểm soát, nhưng vẫn còn phức tạp do các biến chủng mới có mức độ nguy hiểm hơn, nhất là ở Trung Quốc, ảnh hưởng lớn đến sự đi lại và sức mua của người dân, đây là thị trường xuất khẩu chủ lực của các đơn vị đang gia công tại các nhà máy của Công ty nên phải thường xuyên ngừng sản xuất trong thời gian kéo dài do

không xuất khẩu được làm cho nguồn thu của Công ty sụt giảm, hiệu quả kém;

- Không có nguyên liệu để sản xuất và cung cấp cho khách hàng khi có các đơn đặt hàng, cũng như mở rộng sang các thị trường mới, làm cho khách hàng ngày càng mất đi do không đáp ứng được cho các hợp đồng;

- Các nhà máy của Công ty hiện nay đều phải cho thuê gia công để duy trì hoạt động và đảm bảo việc làm cho người lao động mà hiệu quả thì không đủ bù chi phí;

- Các ngân hàng tiếp tục siết chặt tín dụng, các gói tài trợ vay thấp không đủ nguồn vốn phục vụ cho sản xuất (lại còn thu hồi nguồn vốn vay từ 5-10%), ảnh hưởng đến vòng quay vốn, thiếu vốn để mua nguyên liệu sản xuất; Nguồn hàng xuất khẩu dựa vào nguồn hàng mua từ các đơn vị gia công để duy trì khách hàng truyền thống nên hiệu quả không có;

- Thiếu nguồn vốn cũng là nguyên nhân các vùng nuôi không đạt hiệu quả, thiếu thức ăn cá chậm lớn, hao hụt nhiều, giá thành tăng, làm cho hiệu quả nuôi không đạt như kế hoạch, buộc Công ty phải tạm ngừng nuôi, chỉ duy trì sản lượng thấp ở 01 vùng nuôi còn lại các vùng nuôi khác phải cho thuê.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh (%)	
				2022/2021	TH/KH
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	470,48	750	544,47	115,7%	72,6%
LN trước thuế (tỷ đồng)	-92,35	12	-19,41		
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	1.548,7	4.400	839,84	54,22%	19,08%
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	5,21	16	2,72	52,20%	17%
Tổng số lao động (ngàn người)	1.760	1800	1.599	90,8%	88,9%
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.000.000	6.500.000	5.580.000	93%	85,8%

2. Tổ chức và nhân sự

Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Văn Kỳ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	24/02/1958
Nơi sinh:	TP Hồ Chí Minh
CMND:	079058022046
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	233/34 Xô viết Nghệ Tĩnh, P15, TP. HCM
Số ĐT liên lạc:	0903939763
Trình độ chuyên môn:	Đại học Nuôi trồng & Chế biến thủy sản

* Quá trình công tác:

- Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre
- Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn
- Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang
- Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Tổng Giám đốc

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) Không

* Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

* Những khoản nợ đối với Công ty: Không

* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Nguyễn Văn Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/3/1976
Nơi sinh:	Phường Mỹ Hòa, TP.LX, AG
CCCD:	0890760117466
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	193/76, Tây Khánh 6, Phường Mỹ Hòa, TP. LX,AG
Số ĐT liên lạc:	0918889267
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tin học, Đại Học Cần Thơ

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 5 năm 2003 đến 2009 là nhân viên phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất của công ty AGIFISH.
- Từ năm 2010 đến 2013 là Phó Trưởng phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất của công ty AGIFISH.
- Từ 2014 đến 2016 là Giám đốc Xí nghiệp 9 của công ty AGIFISH.
- Từ 2017 đến 12/2021 là Trưởng phòng Kế hoạch và Điều độ sản xuất của công ty AGIFISH.
- Từ 01/2022 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Agifish

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:

- Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám đốc

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

* Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)

* Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

* Những khoản nợ đối với Công ty: Không

* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Huỳnh Xuân Vinh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/8/1982
Nơi sinh:	An Giang
CCCD:	089082001767
Quốc tịch:	Việt nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	1Khóm Bình Long 3, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Số ĐT liên lạc:	0945484041
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh Tế - Luật (TP. HCM)

* Quá trình công tác:

Từ tháng 8/2007 – 12/2012 là nhân viên phòng Kế toán công ty AGIFISH.

Từ 01/2013 – 5/2021: là Phó Trưởng phòng Kế toán công ty AGIFISH.

Từ 6/2021 - 07/2022 là Kế toán Trưởng công ty AGIFISH.

Từ 7/2022 đến nay Phó Tổng Giám đốc công ty AGIFISH.

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

* Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)

* Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

* Những khoản nợ đối với Công ty: Không

* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



**Tổng số
lao động
cuối kỳ**

1.599 (nữ 830)
người



**Lao động
có trình độ
chuyên môn:**

Trên Đại học

01 người

Cao đẳng

23 người

Đại học

92 người

Trung cấp

78 người

↑ Tăng trong kỳ
470 người

↓ Giảm trong kỳ
631 người

Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2022):

Chính sách đối với người lao động:

- Trong năm 2022, mặc dù đại dịch Covid-19 đã được khống chế nhưng vẫn ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do các đơn vị gia công chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, nơi mà đại dịch vẫn còn diễn biến phức tạp, các nhà máy phải tạm ngưng sản xuất dài ngày thường xuyên, nhưng Công ty đã nỗ lực ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình

quân toàn công ty đạt 5.580.000 đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty. Khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động để giảm bớt giờ làm, đem lại hiệu quả.

- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đóng BHXH năm 2022 là trên 12.827.000.000 đồng; chi ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức cho 265 lượt công nhân với số tiền 725.670.000 đồng

- Triển khai các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tiền ăn giữa ca cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động

- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình, dụng cụ, thiết bị trong sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.

- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, quà tết với số tiền hơn 995.000.000 đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có dự án đầu tư nào
- Các công ty con, công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

a/. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	426.103.384.538	334.484.522.639	-22%
Doanh thu thuần	468.441.833.724	540.354.169.388	15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-47.330.882.582	-12.468.786.516	74%
Lợi nhuận khác	-45.026.982.322	-6.948.004.989	85%
Lợi nhuận trước thuế	-92.357.864.904	-19.416.791.505	79%
Lợi nhuận sau thuế	-92.357.864.904	-19.416.791.505	79%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-3.286	-691	79%

b/. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	0,35	0,26	
- Hệ số thanh toán nhanh <i>TSLĐ- Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	0,16	0,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	1,36	1,52	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	-3,78	-2,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Gía vốn hàng bán</i> Hàng tồn kho bình quân	3,08	7,00	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	1,62	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,20	-0,04	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-0,60	-0,11	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,22	-0,06	
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,10	-0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:

a/. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 28.109.743 cp
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cp

b/. Cơ cấu cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 05/3/2023)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1. Cổ đông đặc biệt		
- HĐQT		
- BGD		
- BKS		
2. Cổ đông trong nước	27.962.702	99,48
- Tổ chức	24.788.901	88,19
Trong đó cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
- Cá nhân	3.173.801	11,29
3. Cổ đông nước ngoài	147.041	0,52
- Tổ chức	42.153	0,15
- Cá nhân	104.888	0,37
4. Cổ phiếu quỹ		
TỔNG CỘNG	28.109.743	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn:

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước Người đại diện: Đoàn Đặng Quý An	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.316.892	8,24
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Việt Nam.	22.370.625	79,58

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng:

- Tổng sản lượng cá nguyên liệu: 36.613 tấn toàn bộ là sản lượng gia công.

- Vật tư bao bì, PE: 1.645.000 kg

b) Tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế: không





6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện. Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong năm 26,42 triệu kw giảm 0,91% so với năm 2021.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng và các giải pháp tiết kiệm hiệu quả

- ❖ Thay thế hệ thống chiếu sáng bằng công nghệ đèn led, bố trí hợp lý, cân bằng chiếu sáng, giảm các bóng đèn;
- ❖ Lắp thêm biến tần (inverter), khởi động mềm MCD3000 cho các thiết bị có motor công suất lớn nhằm tiết kiệm điện khi khởi động thiết bị.
- ❖ Kiểm soát các máy móc, thiết bị sử dụng phù hợp, tránh lãng phí, nhất là trong các giờ cao điểm

Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Các xí nghiệp đông lạnh trong toàn công ty sử

dụng năng lượng tái sử dụng: tận dụng nhiệt của đường nén hệ thống lạnh để làm nóng nước phục vụ cho việc vệ sinh các công cụ sản xuất thay cho sử dụng máy nước nóng tiêu thụ bằng năng lượng điện hoặc dầu diesel.

Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ, công nhân lao động, lắp đặt các bảng nội quy về sử dụng điện tiết kiệm trong văn phòng và nhà xưởng coi như là biện pháp nhắc nhở thường xuyên hiệu quả.

6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 7, Xí nghiệp đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến thực phẩm 360 là nguồn nước giếng ngầm, khoan sâu 250m, qua hệ thống xử lý nước cấp của các xí nghiệp 120m³/ giờ. Tổng lượng nước ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là 161.938 m³ bằng 82,4% so cùng kỳ.

Nguồn nước cung cấp cho Xí nghiệp đông lạnh 8 là nguồn nước mặt bơm trực tiếp từ sông Hậu qua hệ thống xử lý nước cấp của xí nghiệp công suất 60 m³/ giờ. Tổng lượng nước mặt từ sông Hậu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong

năm của xí nghiệp đông lạnh 8 là 47.169 m³ tương đương cùng kỳ.

Tổng mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong 2022 là 180.566 m³ giảm 13,5% so với niên độ 2021.

Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường:

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a). Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động trong năm là 1.599 người, mức lương trung bình đạt 5.580.659 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho hơn 1.143 lượt người lao động với tổng số tiền hơn 355.020.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo cho người lao động:

Công nhân ngành thủy sản thường vào làm việc và nghỉ việc, số lượng biến động trong kỳ báo cáo tăng giảm lớn trong quá trình sản xuất, nên công ty phải thường xuyên tổ chức huấn luyện, đào tạo dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất tại các xí nghiệp chế biến đông lạnh của Công ty.

Hàng năm tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh cho người lao động theo đúng qui định của Luật An toàn vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.

Các cơ sở sản xuất của Công ty bao gồm trại nuôi, nhà máy chế biến... đặt cơ sở ở các địa phương luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Cố gắng hạn chế xả thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư; Thường xuyên kiểm tra tiếng ồn, nồng độ ô nhiễm không khí... đảm bảo đạt các thông số

theo các quy chuẩn của Việt Nam



III.

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu trong niên độ 2022 chỉ đạt hơn 544 tỷ đồng (trong đó doanh thu gia công là 198 tỷ đồng), sản lượng xuất khẩu 839,84 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,72 triệu USD, nguyên nhân chính là do kết quả kinh doanh không tốt ở các năm trước, dẫn đến mức tài trợ vốn của các ngân hàng thấp, thiếu nguồn vốn phục vụ cho sản xuất, thị trường bị thu hẹp, mất dần những khách hàng truyền thống do không đủ hàng xuất theo các hợp đồng yêu cầu. Cơ cấu hàng xuất khẩu chỉ tập trung ở thị trường Châu Á, Úc và Châu Âu, các nguyên nhân cụ thể như sau:

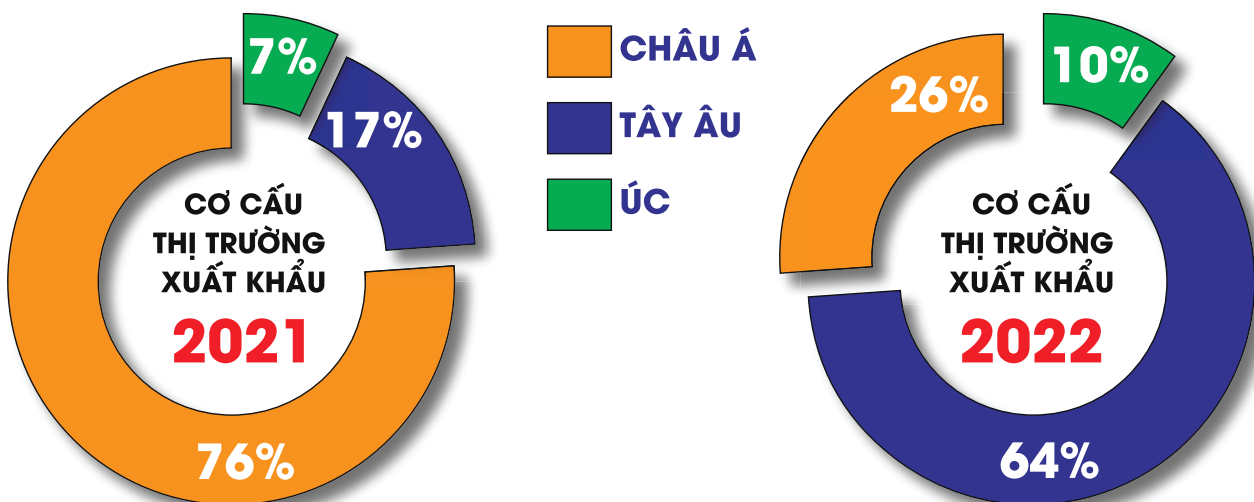
- Không có nguyên liệu sản xuất để cung cấp cho các khách hàng khi có yêu cầu đặt hàng, cũng như mở rộng sang các thị trường mới, lại phải mất đi một số khách hàng do không đáp ứng được cho các hợp đồng;
- Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine kéo dài làm cho khủng hoảng nhiên liệu toàn cầu, kéo lạm phát nhiều nơi tăng cao kỷ lục, các ngân hàng phải nâng cao lãi suất, ảnh hưởng đến thu nhập và mức sinh hoạt của người dân, phải hạn chế chi dùng, sức mua giảm mạnh;
- Tất cả các nhà máy đều phải cho thuê gia công

để duy trì hoạt động và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động (hiệu quả không đủ bù vào chi phí duy trì hoạt động của Công ty);

- Thị trường Trung quốc có mức tăng trưởng khá, song giá xuất thấp, không bằng thị trường EU; Mặt khác, dịch bệnh covid 19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở Trung Quốc làm cho thị trường này vẫn còn bị hạn chế chưa hồi phục trong khi các đơn vị gia công chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc dẫn đến tình trạng phải thường xuyên ngừng sản xuất trong thời gian kéo dài, ảnh hưởng đến doanh thu gia công của Công ty làm cho hiệu quả không có;

- Các ngân hàng tiếp tục siết chặt tín dụng, các gói tài trợ vay thấp không đủ nguồn vốn phục vụ cho sản xuất (lại còn thu hồi nguồn vốn vay từ 5-10%), ảnh hưởng đến vòng quay vốn, thiếu vốn để mua nguyên liệu sản xuất cũng như duy trì nguồn nuôi của Công ty, dẫn đến thiếu nguyên liệu, không có sản phẩm để cung cấp cho thị trường vào những lúc giá xuất khẩu tăng cao, lỡ mất thời cơ; Công ty phải mua lại thành phẩm từ các đơn vị gia công để xuất khẩu nhằm giữ chân các khách hàng truyền thống nên kết quả từ hòa vốn đến thua lỗ;

- Thiếu nguồn vốn cũng là nguyên nhân các vùng nuôi không thể tự hoạt động phải cho các đơn vị, cá nhân bên ngoài thuê nuôi, doanh thu không đủ bù chi phí.



So sánh thị trường xuất khẩu năm 2021 và 2022

2-Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2022 thấp hơn so với cùng kỳ, do thiếu hụt nguồn vốn lưu động, lãi suất vay liên tục tăng nên thời gian vừa qua Công ty thu nợ vùng nguyên liệu, chỉ sử dụng 01 vùng nuôi với công suất 20%, còn lại các vùng nuôi khác tạm ngưng khai thác (chi phí quản lý, thuê ao, khấu hao tài sản... lỗ 6,4 tỷ đồng); Công ty đã và đang tìm hiểu các đối tác để cho thuê các vùng nuôi đang ngừng khai thác. Song song với việc tự sản xuất cho Công ty, các nhà máy chuyển sang cung cấp dịch vụ gia công cá tra Fillet xuất khẩu cho các đối tác ngoài nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng tài sản cũng như tạo công ăn việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, do thị trường xuất khẩu chủ lực của các Công ty gia công (thị trường Trung Quốc) gặp nhiều khó khăn do áp dụng chính sách Zero Covid nên kéo theo doanh thu gia công của Công ty AGIFISH bị suy giảm. Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31.12.2022 so với 31.12.2021 giảm hơn 92 tỷ đồng (21,6%), mức giảm này được đánh giá ảnh hưởng rất lớn đến tình hình cân đối tài chính của Công ty.

b/ Tình hình nợ phải trả:

Nợ ngắn hạn tại ngày 31.12.2022 giảm so với 31.12.2021 chủ yếu do giảm các khoản nợ vay

ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng. Các vùng nuôi nguyên liệu quy hoạch theo hướng thu hẹp, chỉ tập trung nuôi ít ở các vùng nuôi đạt tiêu chuẩn ASC. Đồng thời việc gia tăng hoạt động cung cấp dịch vụ gia công nên nhu cầu vốn lưu động thanh toán các khoản nợ ngắn hạn không còn nhiều như cùng kỳ các năm trước, kéo theo các khoản nợ phải trả giảm so với cùng kỳ.

3- Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Đổi mới, nâng cấp hệ thống băng chuyền cấp đông IQF để giảm thời gian cấp đông, tăng năng suất, tiết giảm chi phí tại các nhà máy.
- Thay đổi, cải tiến qui trình sản xuất chế biến của nhà máy chế biến thực phẩm F360, để tăng năng suất, giảm lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành đủ sức cạnh tranh với các đơn vị khác; thay đổi phương thức và mô hình kinh doanh hàng nội địa, tập trung một đầu mối để tiết giảm chi phí bán hàng...
- Giải thể các đơn vị nội bộ hoạt động kém hiệu quả, sáp nhập các bộ phận có chức năng tương đồng để tiết giảm lao động, nâng cao năng lực làm việc.
- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, tinh gọn bộ máy quản lý; tinh giảm nhân viên ở các bộ phận được thu gọn.



4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2022	THỰC HIỆN 2022	KẾ HOẠCH 2023
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng xuất khẩu	tấn	4.400	839,84	1.250
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa				
	- Hàng fillet:				
	+ Sản lượng	tấn			2.500
	+ doanh thu	tỷ đồng			140
- Hàng chế biến GTGT					
+ Sản lượng	tấn	1.230	1.380	1.200	
+ Doanh thu	tỷ đồng	87	88,9	82	
II	CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK				
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	16	2.72	4.00
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	0	0	0
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	750	554,47	550
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	738	573,88	545
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12	-19,41	5
IV	KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng lao động	Người	1.800	1.599	1600
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	6.500.000	5.580.000	6.000.000

5- Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

5.1 Phần ý kiến ngoại trừ

5.1.1 Theo Hợp đồng mua bán bất động sản ký ngày 14/05/2010 giữa Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (AGIFISH) và Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Delta AGF (DELTA AGF) về việc nhận chuyển nhượng 19.674,7m² đất và tài sản gắn liền trên đất, tọa lạc tại Tổ 64, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là kho lạnh Mỹ Thới). Hợp đồng mua bán này được lập dựa trên sự đồng thuận của các bên liên quan. Từ tháng 5.2010 đến nay, Công ty AGIFISH đã mở rộng, sửa chữa, sử dụng kho lạnh Mỹ Thới để lưu trữ hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho thuê kho lạnh. Kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ do không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sở hữu của Công ty AGIFISH đối với các tài sản trên

vào ngày 31/12/2022 do khúc mắc về trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất trước khi chuyển nhượng của Công ty DELTA AGF nên hồ sơ pháp lý của tài sản nêu trên chưa được hoàn thiện. Hiện nay Công ty AGIFISH đang tích cực làm việc với các bên liên quan để hoàn thiện thủ tục pháp lý nhằm ghi nhận quyền sở hữu hợp pháp với các tài sản nêu trên.

5.1.2 Báo cáo tài chính có sự tồn tại các yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty AGIFISH, dựa trên khoản lỗ lũy kế của Công ty AGIFISH tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 866.563.218.788 VND. Do đó hiện Công ty đang trong quá trình cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, bao gồm cả việc thanh lý một số khoản đầu tư, cụ thể:

+ Thu hẹp quy mô nuôi trồng, thanh lý vùng nuôi để phù hợp với thực tế thị trường tiêu thụ, cho thuê các vùng nuôi đang không sử dụng nhằm giảm chi phí, tăng doanh thu và đảm bảo dòng tiền.

+ Cung cấp dịch vụ gia công cá tra fillet xuất khẩu tại các nhà máy chế biến nhằm ổn định doanh thu, ổn định dòng tiền và hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả nợ, lãi vay với các tổ chức tín dụng và ổn định

đòi sống cho người lao động.

+ Thỏa thuận với các ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn lưu động cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Do đó Ban Giám đốc tin rằng, Báo cáo Tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5.1.3 Trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có lập dự phòng phải thu khó đòi Công ty Cổ Phần Nông Thủy Sản Việt Phú (Việt Phú) số tiền 190.987.313.209 VNĐ và Công ty TNHH MTV Hưng Thành (Hưng Thành) số tiền 139.318.256.976 VNĐ. Đối với khoản công nợ của Công ty Việt Phú là giao dịch bán hàng giữa Công ty AGIFISH và Công ty Việt Phú từ năm 2017, 2018, 2019. Đến 31/12/2020 Công ty AGIFISH đã trích lập toàn bộ số nợ của Công ty Việt Phú do đánh giá khả năng không thu hồi được nợ. Sau thời gian Công ty AGIFISH trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì Công ty Việt Phú do bà Trần Ngọc Vân làm Chủ tịch hội đồng quản trị từ ngày 22/06/2021. Kể từ ngày Bà Vân nắm quyền kiểm soát, Công ty AGIFISH và Công ty Việt Phú hoàn toàn không có phát sinh công nợ cũng như giao dịch mua bán.

Vào ngày 23/12/2015 Công ty AGIFISH đã ký hợp đồng số 01/2015AGF-QC-TDMIR về việc mua bán cá tra Fillet với các bên liên quan Công ty TNHH Quang Chiến và Công ty TDMIR (Công ty được thành lập và hoạt động tại Nga). Theo hợp đồng nêu trên thì Công ty TNHH Quang Chiến có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Công ty AGIFISH thay cho Công ty TDMIR. Từ tháng 01/2016 đến tháng 05/2016, Công ty AGIFISH đã xuất khẩu 672 tấn cá tra Fillet và Công ty TNHH Quang Chiến đã thanh toán cho Công ty AGIFISH với số tiền 1,314,600 USD (tương đương 29.299.428.680 VNĐ). Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu thì Công ty AGIFISH có trách nhiệm hoàn trả số tiền 29.299.428.680 VNĐ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRIBANK) với lý do số tiền này là tiền Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt trái phép từ Ngân hàng AGRIBANK để thanh toán cho Công ty AGIFISH. Do chưa đồng thuận với Bản án sơ thẩm nên Công ty AGIFISH đã thực hiện các thủ tục phúc thẩm để bảo vệ quyền lợi chính đáng của Công ty AGIFISH và đã không trích trước vào chi phí năm 2020 toàn bộ số tiền 29.299.428.680 VNĐ phải trả cho Ngân hàng AGRIBANK. Kiểm toán đưa ra ý kiến do đến năm 2021 Công ty AGIFISH đưa toàn bộ số tiền 29.299.428.600 VNĐ vào chi phí làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế khi so sánh với năm 2022.

5.1.5 Tại thời điểm 31/12/2022 Công ty AGIFISH đã dùng một phần tài sản trong đó giá trị còn

lại của tài sản cố định hữu hình 16.397.481.365 VNĐ và tài sản cố định vô hình 22.417.565.565 VNĐ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ Phần Hùng Vương. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Công ty AGIFISH và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TPHCM vào ngày 08/12/2016. Sau khi hợp đồng thế chấp được ký, ngày 31/10/2020 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được ban hành. Tại khoản 2 điều 293 qui định Công ty đại chúng không được cung cấp khoản bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức. Đây là trường hợp mà Công ty AGIFISH không lường trước được.

5.2. Phản ý kiến nhấn mạnh

Hợp đồng chuyển nhượng vùng nuôi Nhơn Hòa ngày 30/05/2016 giữa Công ty AGIFISH và Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang (PGBank – An Giang) với tổng diện tích 137.389 m² đất (gồm các ao nuôi và công trình phụ trợ), trong đó có 72.362,4 m² đất chưa nhận được kết luận từ sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang về việc chuyển nhượng. Đây là vùng nuôi được đầu tư theo định hướng phát triển Công ty AGIFISH trong dài hạn. Tuy nhiên, vùng nuôi này nằm trong quy hoạch tổng thể các vùng nuôi có đất bãi bồi của huyện Chợ Mới (tỉnh An Giang), vì vậy việc sang tên chưa được hoàn thiện, sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang đã tiếp nhận và trong quá trình xử lý hồ sơ để công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho Công ty AGIFISH. Công ty AGIFISH chấp hành và tuân thủ theo chủ trương chính sách quy hoạch đất đai của huyện Chợ Mới nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Việc hoàn chỉnh pháp lý tài sản vùng nuôi này sẽ sớm hoàn thiện khi các chính sách quy hoạch của tỉnh hoàn tất.

6 - Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty (xem chi tiết phần 6 mục II ở trên)

Trước sự phát triển của thị trường hiện nay, ngoài yêu cầu về chất lượng, người tiêu dùng và các nhà nhập khẩu thủy sản quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm bền vững và có trách nhiệm, khách hàng còn đòi hỏi sản phẩm phải được sản xuất trong điều kiện an toàn với môi trường, xã hội và người lao động. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty nỗ lực thực thi trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh; Xây dựng chương trình, kế hoạch từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và Công ty Agifish đã được cấp chứng nhận nuôi thủy sản bền vững (ASC) cho vùng nuôi cá An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, An Giang, vùng nuôi cá An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

IV.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều được thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị và Công ty mẹ là tập đoàn Hùng Vương; Hội đồng quản trị đã đề ra nhiều giải pháp đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn như: các giải pháp giảm giá thành sản xuất từ khâu nguyên liệu cho đến chế biến và xuất khẩu để ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động. Song, Công ty vẫn phải chịu lỗ do các nguyên nhân chính sau;

- Do ảnh hưởng chính sách chống dịch của Chính phủ Trung Quốc, thị trường xuất khẩu chính tại Châu Á của Công ty và các đối tác gia công bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì đây là thị trường xuất khẩu chính;

- Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã gây ra hệ lụy nghiêm trọng, giá dầu leo thang, đứt gãy chuỗi sản xuất và cung ứng, sự biến động của đồng EUR và USD làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu;

- Tình hình lạm phát trong nước làm cho lãi suất ngân hàng tăng cao, sức cầu giảm, giá cả hàng hóa tăng cao;

Tổng hợp từ những nguyên nhân trên dẫn đến doanh thu xuất khẩu giảm mạnh, các nhà máy hoạt động không đủ công suất đẩy giá thành tăng cao, lợi nhuận không đủ bù vào chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp làm cho hoạt động trong năm 2022 của Công ty lỗ hơn 19 tỷ đồng.

Công ty vẫn kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra: tăng năng suất, ổn định chất lượng giám giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí, chính sách tinh giảm nhân sự, giải thể các bộ phận hoạt động không hiệu quả, quan tâm đúng mức đối

với người lao động như tiền lương cùng các chế độ đãi ngộ đã giữ chân được lực lượng lao động giỏi, mang lại sự ổn định trong sản xuất và chất lượng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, sau Đại hội Tổng giám đốc tiếp tục triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tập trung cho sản xuất kinh doanh; Cho thuê gia công các nhà máy, chấn chỉnh lại công tác quản lý, qui hoạch lại vùng nguyên liệu theo hướng cho thuê các vùng nuôi mà Công ty thiếu nguồn vốn để tự chủ hoạt động; tìm kiếm thêm khách hàng tại các thị trường mới, nhưng do không có nguồn nguyên liệu để đáp ứng thành phẩm theo yêu cầu các đơn hàng nên không thể phát triển thêm... ảnh hưởng từ nhiều yếu tố làm cho hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt mục tiêu đề ra, dẫn đến lỗ. Nguyên nhân chính là:

- Đại dịch Covid-19 tuy được kiểm soát nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp do có nhiều biến chủng mới nguy hiểm hơn nhất là ở Trung Quốc ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty do các đơn vị thuê gia công chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

- Cuộc chiến giữa Nga và Ukraine gây ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới, nguồn cung cấp nhiên liệu bị thiếu hụt, kéo theo nguy cơ suy thoái kinh tế, các ngân hàng quốc gia tăng lãi suất, ảnh hưởng đến đời sống của người dân nhất là ở Châu Âu, làm cho sức mua giảm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Công ty tại thị trường chủ lực này, buộc Công ty phải chuyển sang thị trường Châu Á, nơi giá bán buôn thấp hơn, hiệu quả kém.

- Các đơn vị gia công gặp nhiều khó khăn trong xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc buộc phải tạm ngừng sản xuất trong thời gian kéo dài thường

xuyên, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty, đồng thời Công ty không có nguồn sản phẩm mua lại để cung cấp cho các khách hàng truyền thống làm cho hiệu quả kinh doanh kém.

- Thiếu nguồn vốn là nguyên nhân chính Công ty không tự chủ được sản xuất kinh doanh, phải dựa vào các đơn vị gia công, khi các đơn vị gia công gặp khó khăn thì hoạt động kinh doanh của Công ty cũng gặp khó khăn nhiều hơn.

Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các giải pháp để thực hiện các chiến lược kinh doanh do HĐQT đưa ra, trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định.



3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



1

Đề xuất với Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch Sản xuất kinh doanh niên độ Tài chính 2023 của Công ty.



2

Chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông niên độ Tài chính 2023.



3

Sắp xếp, củng cố lại các vùng nuôi cá nguyên liệu theo hướng thu hẹp vùng nuôi, cho thuê các vùng nuôi Công ty không có nguồn vốn nuôi tự chủ để tăng hiệu quả hoạt động trong công tác nuôi trồng.



4

Trong năm 2023, Công ty sẽ tiếp tục cho thuê gia công các nhà máy đông lạnh. Hoạt động kinh doanh xuất khẩu sẽ mua lại thành phẩm từ các đơn vị gia công để cung cấp cho các khách hàng tuyến thống nhằm duy trì khách hàng. Tập trung nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị của nhà máy AGF360 để sản xuất hàng GTGT xuất khẩu cho thị trường Châu Âu khi tình hình chuyển biến tốt hơn



5

Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng như giao hàng đúng tiến độ, chất lượng sản phẩm đúng như cam kết, dần lấy lại thương hiệu Agifish là một trong những thương hiệu mạnh, uy tín.



6

Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng để nâng thị phần trong nước và xuất khẩu; đưa ra thị trường các sản phẩm mới bù đắp cho sản phẩm fillet bị thu hẹp. Thay đổi phương thức và mô hình kinh doanh hàng nội địa theo hướng tập trung, tinh gọn để giảm chi phí bán hàng tăng khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả.



7

Sử dụng đồng vốn có hiệu quả, tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, không đầu tư, chi tiêu cho các hoạt động ngoài sản xuất kinh doanh, không đầu tư các hạng mục công trình hoặc mua sắm thiết bị chưa thật sự cần thiết và mang lại hiệu quả trong giai đoạn hiện nay, theo phương châm “Không được, thì không để mất”.



8

Điều chỉnh tiền lương, chế độ chính sách cho cán bộ quản lý theo hướng tiết giảm, để hạ giá thành sản phẩm nhằm đạt hiệu quả tốt nhất.

V.

Quản trị Công ty



1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên: 5 người. Trong đó:

+ Thành viên bên trong : 2 người

+ Thành viên bên ngoài : 3 người

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Châu Duy Cường	Chủ tịch	2018– 2023	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2018 – 2023	
3. Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên	2018 – 2023	
4. Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	2018 - 2023	Bổ nhiệm 15/01/2022
4. Võ Văn Phong	Thành viên	2018 – 2023	Từ nhiệm 14/01/2022
5. Trần Ngọc Vân	Thành viên	2018 - 2023	Thành viên độc lập

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên:



Ông Châu Duy Cường

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22 – 07 – 1973
 Nơi sinh: Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
 CMND: 362359942 ngày cấp 20/10/2008, tại Cần Thơ
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 81/13 Đường Phạm Ngũ Lão, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
 Số ĐT liên lạc: 0913974075
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản

* Quá trình công tác:- 1996 – 2007:
 Phụ trách thương mại công ty Proconco
 - 2008 đến 2012: Phụ trách kỹ thuật nuôi cá công ty Cổ phần Hùng Vương
 - 2013 đến nay: Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long

* Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)

* Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

* Những khoản nợ đối với Công ty:

* Lợi ích liên quan đối với Công ty:

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:



Ông Dương Ngọc Minh

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 22 – 10 – 1956
 Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
 CMND: 021997925, ngày cấp 20 - 10 - 2003 nơi cấp: TP.HCM
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Q6, TPHCM
 Số ĐT liên lạc: 0903 311 111
 Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

* Quá trình công tác:
 - Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải.

- Từ 1984 đến 1994: Giám đốc công ty Chế biến Thủy sản Hùng Vương.

- Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Hùng Vương.

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Hùng Vương

* Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ

* Đại diện sơ hữu: 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

* Những khoản nợ đối với Công ty:

* Lợi ích liên quan đối với Công ty:

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Ông Nguyễn Văn Ký (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông Nguyễn Văn Dũng (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)



Bà Trần Ngọc Vân

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 10 – 3 – 1988
 Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
 CMND: 079188000280,
 ngày cấp 19/01/2016
 nơi cấp: Cục CS
 ĐKQLCT&DLQG
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 200A đường Hậu Giang
 Phường 6, Q6, TPHCM
 Số ĐT liên lạc: 0982818805
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị: không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị phù hợp với sự phát triển của Công ty trong tình hình hiện nay. Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để đề ra những chủ trương, định hướng phát triển phù hợp.

Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 8h30 ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Châu Duy Cường, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho Đoàn Chủ tịch đọc các tờ trình trước Đại hội để xin ý kiến các nội dung cần biểu quyết thông qua

- Thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo Tài chính niên độ 2021 sau

* Quá trình công tác:
 - Từ 2008 đến 2016: Nhân viên kế toán chi nhánh 2, công ty Cổ phần Hùng Vương
 - Từ 2016 đến nay: Giám đốc công ty TNHH Hùng Vương Sa Đéc.
 * Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng Quản trị.
 * Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát công ty Cổ phần Hùng Vương
 * Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
 * Đại diện sơ hữu: 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

* Những khoản nợ đối với Công ty:

* Lợi ích liên quan đối với Công ty:

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

kiểm toán.

- Thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh trong niên độ 2022.

- Thông qua việc ĐHCĐ uỷ quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty từ danh sách các Công ty kiểm toán niên độ tài chính 2022: A&C, PWC, AASC, E&Y và Deloitte.

- Điều chỉnh chi tiết một số ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh.

- Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT:

Trong niên độ tài chính 2022 Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ tham gia các cuộc họp của các thành viên HĐQT được thống kê chi tiết như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Châu Duy Cường	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Dương Ngọc Minh	P. Chủ tịch	3/4	75%	Sức khỏe, Công tác nước ngoài
3	Nguyễn Văn Ký	TV	4/4	100%	
4	Nguyễn Văn Dũng	TV	3/4	75%	Từ ngày 15/01/2022
5	Trần Ngọc Vân	TV	4/4	100%	

• Hội đồng Quản trị lần thứ 92 ngày 14/01/2022 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 22/4/2022 và bổ sung thành viên HĐQT thay thế Ông Võ Văn Phong từ nhiệm;

• Hội đồng Quản trị lần thứ 93 ngày 05/3/2022 xem xét dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông vào ngày 17/6/2022 thay cho ngày 22/4/2022 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022;

• Hội đồng Quản trị lần thứ 95 ngày 18/3/2022 Xem xét miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Võ Văn Phong và thông qua Quy chế Công bố Thông tin của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

• Hội đồng Quản trị lần thứ 96 ngày 18/7/2022 xem xét bổ nhiệm ông Huỳnh Xuân Vinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bà Hồ Xuân Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/NQHĐQT/2022	14/01/2022	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 22/4/2022 và bổ sung thành viên HĐQT thay cho Ông Võ Văn Phong
2	02/NQHĐQT/2022	05/3/2022	Nghị quyết HĐQT về việc dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông vào ngày 17/6/2022 thay cho ngày 22/4/2022 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022
3	03/NQHĐQT/2022	18/3/2022	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của Ông Võ Văn Phong và bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Dũng thay cho Ông Võ Văn Phong
4	04/NQHĐQT/2022	18/3/2022	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
5	05/NQHĐQT/2022	18/7/2022	Nghị quyết HĐQT về việc Bổ nhiệm ông Huỳnh Xuân Vinh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bà Hồ Xuân Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là Công ty kiểm toán niên độ 2022

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát



Bà Lê Thị Ngọc Giàu

TRƯỞNG BAN

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 01/08/1982
 Nơi sinh: Bình Đức, Long Xuyên, An Giang
 CMND: 351402678 ngày cấp 18/10/2014, nơi cấp:AG
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 227/6 Đông An 1, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, AG
 Số ĐT liên lạc: 0935 710 787
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân tài chính doanh nghiệp

* Quá trình công tác:
 - Từ 01/07/2004 đến nay: Cty XNK Thủy Sản An Giang, 1234 Trần Hưng Đạo Tp. Long Xuyên, An Giang

* Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:
 Nhân viên nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh AGF360

* Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 Không

* Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

* Những khoản nợ đối với Công ty: Không

* Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

* Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không





Bà Nguyễn Phạm Bảo Châu

Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 29/9/1975
 Nơi sinh: An Giang
 CMND: 351068799 ngày cấp 05/11/2007, nơi cấp: AG
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 35 Bình Thới 1, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, AG
 Số ĐT liên lạc: 0913825303
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân tài chính kế toán

* Quá trình công tác:
 + Từ 1997- 2010: Kế toán Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
 + Từ 2010 đến nay: Xí nghiệp DVTS – Công ty CP XNK Thủy sản An Giang
 * Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Nhân viên nghiệp vụ Xí nghiệp dịch vụ thủy sản.
 * Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 * Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) Không
 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
 * Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 * Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Ông Nguyễn Tường Huy

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 18/10/1982
 Nơi sinh: Châu Đốc, An Giang
 CMND: 351375136 ngày cấp 20/10/2012, nơi cấp: AG
 Quốc tịch: Việt nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 69 Dương Khuê, khóm Bình Khánh 5, p. Bình Khánh, Long Xuyên, AG
 Số ĐT liên lạc: 0918932928
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân tài chính doanh nghiệp

* Quá trình công tác:
 + Từ 10/2004 đến nay: Nhân viên Xí nghiệp AGF360 thuộc Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu thủy sản An Giang
 * Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Nhân viên nghiệp vụ Xí nghiệp dịch vụ thủy sản.
 * Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 * Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay) Không
 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
 * Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 * Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 * Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

a) **Thù lao cho Hội đồng Quản trị trong niên độ 2022:**

Trong niên độ 2022, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

b) **Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan:** Không có

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

V. Báo cáo tài chính (xem riêng báo cáo chính niên độ 2022 đã kiểm toán)

Long xuyên, ngày 4/4/2023
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHAU DUY CƯỜNG



VI.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

1.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	38
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	40
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	43
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022	45
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2022	46
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022	47

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi ngày 09 tháng 07 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán các Công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán AGF từ ngày 24/02/2020 do cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết từ ngày 17/02/2020 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM ngày 16/02/2020 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Châu Duy Cường	Chủ tịch
Ông Dương Ngọc Minh	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên
Bà Trần Ngọc Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Bổ nhiệm ngày 27/06/2022
Ông Võ Văn Phong	Thành viên Từ nhiệm ngày 15/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Ký	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 15/01/2022
Ông Huỳnh Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 19/07/2022
Ông Võ Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc Từ nhiệm ngày 19/03/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Ngọc Giàu	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tường Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Phạm Bảo Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Ký

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2023

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo Hợp đồng mua bán bất động sản ngày 14/05/2010 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Delta AGF, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận chuyển nhượng 19.674,7m² đất và tài sản trên đất là kho lạnh tại tổ 64, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là kho lạnh Mỹ Thới của Công ty) với tổng giá trị chuyển nhượng 120.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý để nhận chuyển nhượng quyền sở hữu khu đất và tài sản trên đất. Các tài sản trên đất có nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 69.327.372.183 VND và 58.986.432.007 VND. Trong đó, chi phí khấu hao trong năm 2022 là 2.064.227.850 VND. Quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá là 35.838.000.000 VND và không trích khấu hao. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 08, 09 tại bảng Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về quyền sở hữu hợp pháp của Công ty đối với các tài sản này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 866.563.218.788 VND, nợ ngắn hạn hiện đang

vượt quá tài sản ngắn hạn 373.025.603.056 VND, vốn chủ sở hữu âm 172.666.538.321 VND, kết quả kinh doanh trong năm 2022 lỗ 19.416.791.505 VND, hoạt động xuất khẩu của Công ty bị thu hẹp do bất ổn chính trị tại thị trường Châu Âu, sức ép về tài chính, thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất dẫn đến không đáp ứng được sản lượng hàng cung cấp cho khách hàng dẫn đến mất dần thị trường xuất khẩu ở các thị trường khác, diện tích ao nuôi tại các vùng nuôi theo đó cũng bị thu hẹp tương ứng. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 của Công ty vẫn được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã thực hiện dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ các khoản công nợ mua hàng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú, Công ty do bà Trần Ngọc Vân, thành viên Hội đồng quản trị nắm quyền kiểm soát, với tổng số dư nợ gốc cuối năm được trình bày tại Mã số 131 - Phải thu khách hàng ngắn hạn và số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm được trình bày tại Mã số 137 - Dự phòng phải thu khó đòi trên Bảng cân đối kế toán năm 2022 là 190.987.313.209 VND. Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú đã giải thể ngày 19/09/2022 theo thông báo số 11681/22 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang. Công ty đã thực hiện dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ các khoản công nợ mua hàng, cho mượn tiền giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành với tổng số dư nợ gốc cuối năm được trình bày tại Mã số 131 - Phải thu khách hàng ngắn hạn và số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm được trình bày tại Mã số 137 - Dự phòng phải thu khó đòi trên Bảng cân đối kế toán năm 2022 là 139.318.256.976 VND. Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành đã ngừng hoạt động từ ngày 30/06/2022. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính hiện hữu và đầy đủ đối với các khoản công nợ và dự phòng công nợ phải thu khó đòi này cũng như xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện trích trước số tiền 29.299.428.680 VND liên quan đến Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu vào chỉ tiêu Chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty thay vì điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số

29. Việc ghi nhận sai kỳ này tiếp tục ảnh hưởng đến chỉ tiêu "Chi phí khác" (Mã số 23) và "Tổng lợi nhuận trước thuế" (Mã số 50) trong năm 2021 (số liệu so sánh) trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty

Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề đã được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO VỀ CÁC YÊU CẦU KHÁC CỦA PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH

Theo quy định tại khoản 2, điều 293, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về "Giao dịch với Cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này", Công ty đại chúng không được cung cấp khoản bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức. Công ty hiện đang sử dụng tài sản của mình để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Xem chi tiết tại thuyết minh số 08, 09 và 36 tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2022, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến dự án vùng nuôi Nhơn Hòa hiện chưa được hoàn tất do diện tích 72.362,4 m² đất nuôi trồng thủy sản chưa nhận được kết luận

của Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 10 tại bản Thuyết minh Báo cáo tài chính đính kèm).

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngoài Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1



3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(VND)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
100	A.TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.330.367.204	199.000.608.591
110	I.Tiền và các khoản tương đương tiền	03	22.770.043.214	21.159.190.416
111	1.Tiền		12.770.043.214	21.159.190.416
112	2.Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
130	III.Các khoản phải thu ngắn hạn		50.430.356.840	38.090.364.929
131	1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	524.994.718.038	424.430.645.296
132	2.Trả trước cho người bán ngắn hạn		378.488.770	1.597.967.461
136	3.Phải thu ngắn hạn khác	05	75.596.869.776	176.418.009.017
137	4.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(550.539.719.744)	(564.356.256.845)
140	IV.Hàng tồn kho	07	35.162.366.829	109.063.760.922
141	1.Hàng tồn kho		40.746.101.206	116.688.775.203
149	2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.583.734.377)	(7.625.014.281)
150	V.Tài sản ngắn hạn khác		21.967.600.321	30.687.292.324
151	1.Chi phí trả trước ngắn hạn	11	3.315.886.341	1.912.584.676
152	2.Thuế GTGT được khấu trừ		11.613.693.300	22.278.672.324
153	3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	7.038.020.680	6.496.035.324
200	B.TÀI SẢN DÀI HẠN		204.154.155.435	227.102.775.947
220	II.Tài sản cố định		156.440.344.507	174.269.289.965
221	1.Tài sản cố định hữu hình	08	92.115.845.793	109.447.074.859
222	-Nguyên giá		571.752.967.789	595.731.549.544
223	-Giá trị hao mòn lũy kế		(479.637.121.996)	(486.284.474.685)
227	2.Tài sản cố định vô hình	09	64.324.498.714	64.822.215.106
228	-Nguyên giá		67.588.176.453	67.588.176.453
229	-Giá trị hao mòn lũy kế		(3.263.677.739)	(2.765.961.347)
240	IV.Tài sản dở dang dài hạn		23.500.000.000	23.500.000.000
242	1.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	23.500.000.000	23.500.000.000
250	V.Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
253	1.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.600.000	212.600.000
254	2.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(212.600.000)	(212.600.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.213.810.928	29.333.485.982
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.213.810.928	29.333.485.982
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		334.484.522.639	426.103.384.538

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
	C.NỢ PHẢI TRẢ			
	I.Nợ ngắn hạn		503.355.970.260	574.597.353.204
	1.Phải trả người bán ngắn hạn	12	9.602.718.008	41.218.656.553
312	2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	5.133.907.258	4.567.126.635
313	3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	951.492.155	3.012.568.092
314	4.Phải trả người lao động		10.434.336.508	17.676.931.940
315	5.Chi phí phải trả ngắn hạn	14	5.754.092.498	36.779.797.444
318	6.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	530.303.031	85.872.731
319	7.Phải trả ngắn hạn khác	17	32.719.934.913	7.827.593.692
320	8.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	438.225.863.067	463.423.483.295
322	9.Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.322.822	5.322.822
330	II.Nợ dài hạn		3.797.090.700	4.757.778.150
342	1.Dự phòng phải trả dài hạn	19	3.797.090.700	4.757.778.150
400	D.VỐN CHỦ SỞ HỮU		(172.668.538.321)	(153.251.746.816)
410	I.Vốn chủ sở hữu	20	(172.668.538.321)	(153.251.746.816)
411	1.Vốn góp của chủ sở hữu		281.097.430.000	281.097.430.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		281.097.430.000	281.097.430.000
412	2.Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	411.288.522.916
421	3.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(866.563.218.788)	(847.146.427.283)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(847.146.427.283)	(754.788.562.379)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
422	4.Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.508.727.551	1.508.727.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		334.484.522.639	426.103.384.538



Hồ Xuân Hương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2023

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	544.477.541.586	470.480.428.072
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	4.123.372.198	2.038.594.348
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		540.354.169.388	468.441.833.724
11	4. Giá vốn hàng bán	24	505.121.893.236	436.051.751.691
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.232.276.152	32.390.082.033
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.127.922.483	745.765.137
22	7. Chi phí tài chính	26	36.125.822.979	38.537.234.839
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.719.711.222	38.452.952.748
25	8. Chi phí bán hàng	27	14.643.161.013	32.915.807.136
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(1.939.998.841)	9.013.687.777
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.468.786.516)	(47.330.882.582)
31	11. Thu nhập khác	29	546.167.698	430.059.799
32	12. Chi phí khác	30	7.494.172.687	45.457.042.121
40	13. Lợi nhuận khác		(6.948.004.989)	(45.026.982.322)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(691)	(3.286)



Hồ Xuân Hương
Người lập kiêm Kế toán trưởng

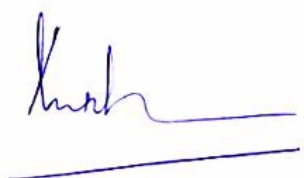


Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2023

5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ Năm 2022 - Theo phương pháp gián tiếp

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
	I.			
	.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1.Lợi nhuận trước thuế		(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
	2.Điều chỉnh cho các khoản			
02	-Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.780.421.396	23.174.421.505
03	-Các khoản dự phòng		(15.255.099.755)	583.728.642
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
04	-mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		94.503.241	(13.028.404)
05	-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		151.647.277	(290.100.173)
06	-Chi phí lãi vay		35.719.711.222	38.452.952.748
08	3.Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.074.391.876	(30.449.890.586)
09	-Tăng, giảm các khoản phải thu		11.553.400.125	36.411.466.289
10	-Tăng, giảm hàng tồn kho		75.942.673.997	62.874.410.242
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả,			
11	-thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(47.914.839.438)	3.368.766.729
12	-Tăng, giảm chi phí trả trước		3.716.373.389	5.558.415.041
14	-Tiền lãi vay đã trả		(35.467.160.143)	(38.837.730.829)
17	-Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.902.839.806	38.925.436.886
	II..LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài			
21	1.sản dài hạn khác		(2.032.049.769)	(1.899.316.630)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài			
22	2.sản dài hạn khác		865.454.544	286.363.637
27	3.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		63.472.010	3.736.536
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.103.123.215)	(1.609.216.457)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		539.978.220.764	376.549.991.509
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(565.175.840.992)	(395.030.108.466)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(25.197.620.228)	(18.480.116.957)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.602.096.363	18.836.103.472
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.159.190.416	2.310.058.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.756.435	13.028.404
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	22.770.043.214	21.159.190.416



Hồ Xuân Hương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2023

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA

DOANH NGHIỆP

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi ngày 09 tháng 07 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán các Công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán AGF từ ngày 24/02/2020 do cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết từ ngày 17/02/2020 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM ngày 16/02/2020 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 281.097.430.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2022 là 281.097.430.000 đồng; tương đương 28.109.743 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

- Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.599 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 1.760 người).

LĨNH VỰC KINH DOANH

Nuôi trồng và chế biến thủy sản.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, bảo quản và mua bán thủy sản đông lạnh và các sản phẩm từ thủy sản;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thuốc thú y, thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 866.563.218.788 VND, nợ ngắn hạn hiện đang vượt quá tài sản ngắn hạn 373.025.603.056 VND, vốn chủ sở hữu âm 172.666.538.321 VND, kết quả kinh doanh trong năm lỗ 19.416.791.505 VND. Các số liệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy hoạt động kinh doanh chính của Công ty vẫn ổn định và vẫn được Ngân hàng hỗ trợ hạn mức tín dụng. Từ các yếu tố trên, Ban Tổng giám đốc đánh giá việc Báo cáo tài chính vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong năm 2022, do ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga - Ukraine dẫn đến sức mua tại các thị trường châu Âu giảm mạnh, dẫn đến hoạt động xuất khẩu của Công ty sang thị trường này bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tại thị trường trong nước, Công ty đã chuyển đổi mô hình phân phối hàng giá trị gia tăng từ bán trực tiếp cho các siêu thị, cửa hàng sang hoạt động bán thông qua đại lý, dừng hoạt động chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh (kênh điều tiết và bảo quản, lưu trữ hàng hóa khi phân phối cho siêu thị, cửa hàng) để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong nước.

Cấu trúc doanh nghiệp

CÔNG TY CÓ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SAU	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
Xí nghiệp Đông lạnh AGF7	Tỉnh An Giang	Chế biến thủy sản đông lạnh
Xí nghiệp Đông lạnh AGF8	Tỉnh An Giang	Chế biến thủy sản đông lạnh
Xí nghiệp Đông lạnh AGF9	Tỉnh An Giang	Chế biến thủy sản đông lạnh
Xí nghiệp Đông lạnh AGF7	Tỉnh An Giang	Chế biến thủy sản đông lạnh
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm AGF360	Tỉnh An Giang	Chế biến các mặt hàng thủy sản
Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản	Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản
Xí nghiệp kho vận Mỹ Thới	Tỉnh An Giang	Bảo quản hàng hóa, thành phẩm

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

2\ CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

- Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

- Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

- Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	48	năm

2.11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. THUÊ HOẠT ĐỘNG

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn

và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. CÁC KHOẢN VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: hoa hồng môi giới, chi phí vận chuyển, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu từ nhận trước tiền cho thuê ao nuôi tại các vùng nuôi.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19. DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	1.327.967.841	3.186.972.958
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.442.075.373	17.972.217.458
Các khoản tương đương tiền(*)	10.000.000.000	-
	22.770.043.214	21.159.190.416

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 6%/năm.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan	191.942.501.007	(191.206.501.007)	106.173.553.120	(105.218.365.322)
- Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	190.987.313.209	(190.987.313.209)	105.218.365.322	(105.218.365.322)
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	947.653.898	(211.653.898)	947.653.898	-
- Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	7.533.900	(7.533.900)	7.533.900	-
Bên khác	333.052.217.031	(284.146.532.775)	318.257.092.176	(283.868.561.112)
- M&T Seafood Corporation	204.650.182.511	(204.650.182.511)	204.650.182.511	(204.650.182.511)
- Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành	64.318.256.976	(64.318.256.976)	64.318.256.976	(64.318.256.976)
- Công ty TNHH Thủy sản Phú Sơn	18.837.397.675	-	6.339.165.414	-
- Công ty TNHH Thủy sản Chí Thanh	5.402.440.358	-	-	-
- Fujian Anxin Industrial Co., Ltd	10.430.893.200	(10.430.893.200)	10.430.893.200	(10.430.893.200)
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy	9.111.723.875	-	3.900.256.963	-
- Nguyễn Vũ Kha	-	-	4.326.182.239	-
- Công ty TNHH Thủy sản Đông Hoàng	8.281.681.737	-	1.936.578.096	-
- Công ty TNHH Basa Food Minh Ngọc	3.138.971.523	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	8.880.669.176	(4.747.200.088)	22.355.576.777	(4.469.228.425)
	524.994.718.038	(475.353.033.782)	424.430.645.296	(389.086.926.434)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Chi tiết theo nội dung				
- Tạm ứng	410.183.814	-	931.972.863	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	225.000.000	-
- Phải thu tiền cho mượn	75.000.000.000	(75.000.000.000)	175.000.000.000	(175.000.000.000)
- Phải thu khác	186.685.962	(186.685.962)	261.036.154	(196.685.962)
	75.596.869.776	(75.186.685.962)	176.418.009.017	(175.196.685.962)
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	236.685.962	(186.685.962)	100.186.685.962	(100.186.685.962)
- Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	-	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Hùng Vương	186.685.962	(186.685.962)	186.685.962	(186.685.962)
- Ông Châu Duy Cường	50.000.000	-	-	-
Bên khác	75.360.183.814	(75.000.000.000)	76.231.323.055	(75.000.000.000)
- Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành	75.000.000.000	(75.000.000.000)	75.000.000.000	(75.000.000.000)
- Phải thu các đối tượng khác	360.183.814	-	1.231.323.055	-
	75.596.869.776	(75.186.685.962)	176.418.009.017	(175.186.685.962)

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

6. NỢ XẤU

VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- M&T Seafood Corporation	204.650.182.511	-	204.650.182.511	-
- Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	190.987.313.209	-	205.218.365.322	-
- Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành	139.318.256.976	-	139.318.256.976	-
- Fujian Anxin Industrial Co., Ltd	10.430.893.200	-	10.430.893.200	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
Các khoản khác	3.150.522.043	97.448.195	2.680.257.086	41.698.250
	550.637.167.939	97.448.195	564.397.955.095	41.698.250

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.311.606.608	(3.618.982.739)	32.349.209.461	-
Công cụ, dụng cụ	509.595.773	-	326.832.284	(5.245.582.253)
Chi phí sản xuất	1.787.167.473	(104.603.444)	24.546.182.641	
kinh doanh dở dang				(2.379.432.028)
Thành phẩm	17.506.302.536	(1.860.148.194)	53.881.251.279	-
Hàng gửi đi bán	1.631.428.816	-	5.585.299.538	
				(7.625.014.281)
	40.746.101.206	(5.583.734.377)	116.688.775.203	

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	185.238.925.199	398.866.457.547	11.123.184.835	335.006.054	167.975.909	595.731.549.544
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.032.049.769	-	-	-	2.032.049.769
- Thanh lý, nhượng bán	(1.420.576.206)	(23.156.620.124)	(1.384.964.194)	(48.471.000)	-	(26.010.631.524)
Số dư cuối năm	183.818.348.993	377.741.887.192	9.738.220.641	286.535.054	167.975.909	571.752.967.789
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	108.473.642.750	367.260.642.461	10.155.052.776	278.218.554	116.918.144	486.284.474.685
- Khấu hao trong năm	7.648.709.750	10.151.799.307	462.136.327	11.550.000	8.509.620	18.282.705.004
- Thanh lý, nhượng bán	(972.161.534)	(22.524.460.965)	(1.384.964.194)	(48.471.000)	-	(24.930.057.693)
Số dư cuối năm	115.150.190.966	354.887.980.803	9.232.224.909	241.297.554	125.427.764	479.637.121.996
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	76.765.282.449	31.605.815.086	968.132.059	56.787.500	51.057.765	109.447.074.859
Tại ngày cuối năm	68.668.158.027	22.853.906.389	505.995.732	45.237.500	42.548.145	92.115.845.793

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay của Công ty và của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hùng Vương) lần lượt là: 39.817.052.831 VND và 16.397.481.365 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 334.825.606.554 VND.
 Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của kho lạnh tại tổ 64, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là kho lạnh Mỹ Thới của Công ty) được chuyển giao lại từ Công ty Xây dựng Delta AGF tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 69.327.372.183 VND và 58.986.432.007 VND. Trong đó, chi phí khấu hao trong năm 2022 là 2.064.227.850 VND.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

- Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2022 bao gồm:
- + Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Xí nghiệp chế biến AGF8, AGF9 và tại văn phòng Công ty tại Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với tổng diện tích 35.238,4 m² có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 31.750.176.453 VND và 3.263.677.739 VND. Trong đó khấu hao trong năm 2022 là 497.716.392 VND.
- + Quyền sử dụng đất lâu dài của kho lạnh tại tổ 64, khóm Đông Thạnh B, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là kho lạnh Mỹ Thới của Công ty) có nguyên giá là 35.838.000.000 VND và không trích khấu hao. Công ty hiện đang làm thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại kho lạnh này.
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay của Công ty và của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hùng Vương) lần lượt là: 5.461.277.649 VND và 22.417.565.565 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
Dự án vùng nuôi Nhơn Hòa	23.500.000.000	23.500.000.000
	23.500.000.000	23.500.000.000

- Tên Dự án: Dự án vùng nuôi Nhơn Hòa;
 - Địa điểm xây dựng: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
 - Mục đích xây dựng; Xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu;
 - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang;
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vốn vay;
 - Quy mô của dự án: 137.389 m² bao gồm các ao nuôi và công trình phụ trợ theo các Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng ngày 30/05/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh An Giang;
 - Tổng mức đầu tư: 26.000.000.000 VND;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Công ty đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong đó, diện tích 65.026,6 m² đất trồng cây hàng năm đã được cho phép cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 72.362,4 m² ha đất nuôi trồng thủy sản chưa nhận được kết luận từ Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang về việc chuyển nhượng. Dự án được Công ty thế chấp làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng vay hạn mức.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND	
		31/12/2022	01/01/2022
a)	Ngắn hạn		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	805.604.623	359.813.248
	Chi phí sửa chữa	2.203.025.511	1.420.139.421
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.256.207	132.632.007
		3.315.886.341	1.912.584.676
b)	Dài hạn		
	Tiền thuê đất trả trước ^(*)	24.213.810.928	29.333.485.982
		24.213.810.928	29.333.485.982

(*) Tiền thuê đất trả trước cho các vùng nuôi tại tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang với tổng diện tích 63,69 ha.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên liên quan	-	-	2.701.024.336	2.701.024.336
- Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	-	-	2.701.024.336	2.701.024.336
Bên khác	9.602.718.008	9.602.718.008	38.517.632.217	38.517.632.217
- Công ty TNHH MTV Công nghệ Phú Lộc	2.166.705.000	2.166.705.000	2.166.705.000	2.166.705.000
- Công ty TNHH Thủy sản Phú Sơn	1.680.756.100	1.680.756.100	3.368.122.900	3.368.122.900
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nguyễn Minh Trí	1.308.163.150	1.308.163.150	634.350.486	634.350.486
- Công ty TNHH MTV Thủy sản Hưng Thành	-	-	12.206.484.734	12.206.484.734
- Công ty Cổ phần Minh Thắng Sông Đốc	-	-	7.436.937.100	7.436.937.100
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy	-	-	1.450.000.000	1.450.000.000
- Bùi Thanh Sang	-	-	1.923.872.000	1.923.872.000
- Phải trả các đối tượng khác	4.447.093.758	4.447.093.758	9.331.159.997	9.331.159.997
	9.602.718.008	9.602.718.008	41.218.656.553	41.218.656.553

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.907.669.135	8.091.360.629	10.118.726.684	-	880.303.080
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	10.735.107	(6.772.867)	3.962.240	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.466.307.408	-	-	-	6.466.307.408	-
Thuế Thu nhập cá nhân	29.727.916	-	155.311.219	57.018.578	2.624.350	71.189.075
Thuế Tài nguyên	-	8.895.240	65.191.880	74.087.120	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.674.800.005	2.243.888.927	569.088.922	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	85.268.610	4.189.347	89.457.957	-	-
	6.496.035.324	3.012.568.092	9.992.080.213	12.595.141.506	7.038.020.680	951.492.155

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay	616.063.905	363.512.826
Chi phí hoa hồng	3.615.754.182	3.974.764.024
Chi phí điện, nước	1.088.196.060	1.037.620.000
Trích trước số tiền phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Sơn Hồ	-	29.299.428.680
Chi phí phải trả khác	434.078.351	2.104.471.914
	5.754.092.498	36.779.797.444

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Vạn Đạt	2.216.463.410	2.216.463.410
Ông Nguyễn Văn Hận	1.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Lâm	500.000.000	-
Người mua khác trả tiền trước	1.417.443.848	2.350.663.225
	5.133.907.258	4.567.126.635

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Doanh thu nhận trước từ cho thuê ao nuôi	530.303.031	85.872.731
	530.303.031	85.872.731

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	1.494.709.439	2.163.113.240
Bảo hiểm xã hội	-	2.671.117.919
Bảo hiểm y tế	-	193.343.378
Bảo hiểm thất nghiệp	-	42.458.825
Nhận ký quỹ gia công thủy sản	500.000.000	500.000.000
Mượn tiền Công đoàn Công ty	-	885.000.000
Mượn tiền Công ty Cổ phần Hùng Vương	736.000.000	736.000.000
Phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển	29.299.428.680	-

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Sìn Hồ(*)		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	689.796.794	636.560.330
	32.719.934.913	7.827.593.692
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hùng Vương	736.000.000	736.000.000

(*) Theo kết luận Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam từ tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36.

18. CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

1 / Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2022/549049/HĐTD ngày 03/10/2022 với các điều

khoản chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng: 355.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, chiết khấu, bảo lãnh, mở L/C cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn cho vay: 31/07/2023;

Lãi suất cho vay: Theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm nhận nợ;

Các hình thức đảm bảo tiền vay:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38 với diện tích là 1028m² và thửa đất số 03 với diện tích là 229,2m² tại Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang với giá trị định giá là 1.065.000.000 đồng;

+ Quyền sử dụng đất thửa 155, 2102, 2097-2101 tại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang với giá trị định giá là 3.649.373.400 đồng;

+ Công trình xây dựng Xí nghiệp AGF8 tại quốc lộ 91, ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang với giá trị định giá là 25.520.000.000 đồng;

+ Quyền sử dụng đất thửa 244, 61, 236, 245, 235 tại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

+ Cối đá vẩy SHENZHEN F8 - Thẻ 27/10/2012 tại Xí nghiệp AGF8 với giá trị định giá là 316.000.000 đồng;

+ Máy lạnh da và cố quay trị giá 2.849.027.644 đồng;

+ Dây chuyền sản xuất cá với giá trị định giá là 5.407.000.000 đồng;

+ Quyền tài sản phát sinh hợp đồng thuê đất số 132/HĐTĐ ngày 06/12/2011 và phụ lục hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 24/06/2015 theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 02/2018/549049/HĐBĐ với giá trị định giá là 30.068.000.000 đồng;

+ Dây chuyền máy móc thiết bị của xí nghiệp AGF7 theo Hợp đồng thế chấp tài sản 01/2022/549049 giá trị tài sản định giá 10.110.000.000 đồng;

+ Hàng tồn kho cá tra của Công ty theo Biên bản định giá ngày 19/09/2019 với giá trị định giá là 82.670.970.348 đồng;

+ Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 04/2018/549049/HĐBĐ ngày 05/11/2018;

+ Các quyền tài sản được phát sinh từ Hợp đồng dân sự thương mại theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2018/549049/HĐBĐ ngày 05/11/2018;

+ Các quyền tài sản được phát sinh từ Hợp đồng dân sự thương mại theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2018/549049/HĐBĐ ngày 05/11/2018;

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 342.724.661.794 đồng.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

2/. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 540.0402/2022/HĐTDHM-DN/PGBankAG ngày 06/10/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

Hạn mức tín dụng: 93.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 06/10/2022 đến hết ngày 06/10/2023;
 Thời hạn cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 Lãi suất cho vay: Theo lãi suất được thỏa thuận cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 Các hình thức bảo đảm tiền vay:
 + Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đối với thửa đất CH937462 tọa lạc tại P.Khánh Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang theo hợp đồng thế chấp số 540.0251.03/PL- HĐBĐ với giá trị đảm bảo là 16.536.000.000 đồng;
 + Các quyền sử dụng đất tại vùng nuôi tọa lạc tại xã An Nhơn và xã Tân Nhuận Đông, Huyện Châu Thành, Đồng Tháp theo hợp đồng thế chấp số 540.0402A/2022/BĐ với giá trị đảm bảo 36.027.000.000 đồng;
 + Các quyền sử dụng đất tại vùng nuôi tọa lạc tại xã Nhơn Mỹ, Chợ Mới, An Giang theo hợp đồng thế chấp số 540.0402b/2022/BĐ với giá trị đảm bảo 35.931.000.000 đồng;
 Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 88.301.201.273 đồng.

3/. Hợp đồng vay vốn tạm thời số 01/2022 AGFVVCN ngày 31/12/2021, phụ lục 03 ngày

01/11/2022, phụ lục 04 ngày 20/12/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức vay: 7.200.000.000 đồng;
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 Thời hạn vay: đến hết ngày 31/12/2023;
 Lãi suất cho vay: 13%/năm tính từ ngày 01/11/2022;
 Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
 Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 7.200.000.000 đồng.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là các khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho cán bộ, công nhân viên Công ty được trích lập theo Điều 46, Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 đối với các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty từ trước ngày 31/12/2008. Số dư dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc tại thời điểm 31/12/2022 là 3.797.090.700 đồng.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.109.743	28.109.743
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất trả tiền một lần tại tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng thuê hoạt động để làm vùng nuôi cá nguyên liệu. Chi phí tiền thuê đất đã trả một lần được trình bày tại thuyết minh số 11. Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm để sử dụng với mục đích làm văn phòng Công ty, xí nghiệp và vùng nuôi cá nguyên liệu từ năm 2013 đến năm 2057. Diện tích các khu đất thuê là bao gồm:

- + Diện tích đất 242.960,6 m² tại tỉnh An Giang được sử dụng làm văn phòng Công ty, Xí nghiệp chế biến thủy sản và vùng nuôi cá nguyên liệu.
- + Diện tích đất 357.404 m² tại tỉnh Đồng Tháp được sử dụng làm vùng nuôi cá nguyên liệu

Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.896.963.072	1.896.963.072
Trên 1 năm đến 5 năm	8.488.506.648	8.488.506.648
Trên 5 năm	11.359.146.009	12.355.454.721

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	61.156,24	188.766,17
Đồng đô la Úc (AUD)	1.476,55	1.476,50
Đồng Euro (EUR)	1.801,95	1.802,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Delta Investment and Construction JSC	21.364.689.260	21.364.689.260
- Egyptian Marking Co., Ltd	13.741.163.476	13.741.163.476
- Atlant Pacific JSC	12.240.250.000	12.240.250.000
- Pescados Videla S.A	10.283.519.184	10.283.519.184
- Ông Lê Thái Hòa	10.200.000.000	10.200.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	5.000.000.000	5.000.000.000
- Các đối tượng khác	6.886.729.232	6.886.729.232
	79.716.351.152	79.716.351.152

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng đông lạnh nội địa	158.878.436.250	30.923.947.273
Doanh thu bán hàng đông lạnh xuất khẩu	32.154.546.250	70.191.085.161
Doanh thu bán hàng chế biến nội địa	59.271.376.551	115.421.228.334
Doanh thu bán hàng chế biến xuất khẩu	33.165.717.366	44.530.066.090
Doanh thu bán hàng hóa	878.525.386	767.469.621
Doanh thu bán cá nuôi, cá giống	37.066.171.400	4.162.069.000
Doanh thu hoạt động gia công	198.268.357.339	187.173.754.265
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.666.263.616	12.358.930.090
Doanh thu bán phụ phẩm, phế liệu	128.147.428	4.951.878.238
	470.480.428.072	

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	806.336.370	1.827.944.811
Hàng bán bị trả lại	3.317.035.828	210.649.537
	4.123.372.198	2.038.594.348

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN.

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hàng đông lạnh nội địa	158.067.100.770	30.875.503.830
Giá vốn hàng đông lạnh xuất khẩu	30.331.462.478	73.273.004.292
Giá vốn hàng chế biến nội địa	50.897.062.208	94.414.442.007
Giá vốn hàng chế biến xuất khẩu	28.908.923.029	40.592.290.783
Giá vốn hàng hóa	769.646.528	814.404.744
Giá vốn cá nuôi, cá giống	45.136.750.022	5.762.746.361
Giá vốn hoạt động gia công	180.339.451.487	173.109.465.323
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.079.013.490	7.294.499.624
Giá vốn phụ phẩm, phế liệu	128.147.427	5.237.000.818
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.041.279.904)	1.955.504.840
Thuế GTGT không được khấu trừ	505.615.701	2.722.889.069
	505.121.893.236	436.051.751.691

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	63.472.010	3.736.536
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.064.450.473	729.000.197
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	13.028.404
	1.127.922.483	745.765.137

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền vay	35.719.711.222	38.452.952.748
Lãi mua hàng trả chậm	-	28.506.123
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	311.608.516	55.775.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	94.503.241	-
	36.125.822.979	38.537.234.839

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.749.135	127.256.168
Chi phí nhân công	2.532.389.820	4.315.933.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.463.372	53.560.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.088.415.958	28.338.707.917
Chi phí khác bằng tiền	2.142.728	80.348.789
	14.643.161.013	32.915.807.136

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.186.520	158.729.910
Chi phí nhân công	5.002.590.065	5.144.026.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	632.358.144	615.297.901
Hoàn nhập dự phòng	(13.213.819.851)	(534.821.898)
Thuế, phí, và lệ phí	73.551.880	604.529.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.406.924.104	1.467.302.659
Chi phí khác bằng tiền	3.056.210.297	1.558.623.844
	(1.939.998.841)	9.013.687.777

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

29. THU NHẬP KHÁC

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	286.363.637
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	-	138.002.009
Thu nhập từ bồi thường	420.192.644	-
Thu nhập khác	125.975.054	5.694.153
	546.167.698	430.059.799

30. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	215.119.287	-
Chi phí vùng nuôi ngưng hoạt động	6.338.036.477	5.407.576.402
Tiền phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt-Nam chi nhánh huyện Sơn Hồ	-	29.299.428.680
Thuế GTGT hàng xuất khẩu không đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế do không được khách hàng thanh toán		7.455.688.324
Chi phí phát sinh giai đoạn dừng sản xuất do giãn cách xã hội		- 2.673.732.936
Các khoản phạt chậm nộp, nộp bổ sung	373.850.959	149.158.800
Chi phí khác	567.165.964	471.456.979
	7.494.172.687	45.457.042.121

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

VND

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
Các khoản điều chỉnh tăng	30.344.930.384	77.136.974.103
- Chi phí không hợp lệ	7.279.053.400	42.783.309.185
- Chi phí lãi vay không được trừ	23.065.876.984	34.353.664.918
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.931.002.614)	(53.923.048.410)
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi đã loại trừ chi phí thuế năm trước	(9.970.315.164)	(53.086.094.110)
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc đã thực chi	(960.687.450)	(836.954.300)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(2.863.735)	(69.143.939.211)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(6.466.307.408)	(6.466.307.408)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(6.466.307.408)	(6.466.307.408)

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	VND	
	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận thuần sau thuế	(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(19.416.791.505)	(92.357.864.904)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.109.743	28.109.743
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(691)	(3.286)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	265.150.824.420	134.296.681.949
Chi phí nhân công	132.973.621.621	139.555.433.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.033.691.932	22.533.504.018
Chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi	(13.213.819.851)	(534.821.898)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.006.322.708	71.183.266.588
Chi phí khác bằng tiền	6.196.978.673	6.768.239.524
	462.147.619.503	373.802.303.221

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.770.043.214	-	-	22.770.043.214
Phải thu khách hàng, phải thu khác	50.051.868.070	-	-	50.051.868.070
	72.821.911.284	-	-	72.821.911.284
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.159.190.416	-	-	21.159.190.416
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.492.397.468	-	-	36.492.397.468
	57.651.587.884	-	-	57.651.587.884
Rủi ro thanh khoản				

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	438.225.863.067	-	-	438.225.863.067
Phải trả người bán, phải trả khác	42.322.652.921	-	-	42.322.652.921
Chi phí phải trả	5.754.092.498	-	-	5.754.092.498
	486.302.608.486	-	-	486.302.608.486
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	463.423.483.295	-	-	463.423.483.295
Phải trả người bán, phải trả khác	49.046.250.245	-	-	49.046.250.245
Chi phí phải trả	36.779.797.444	-	-	36.779.797.444
	549.249.530.984	-	-	549.249.530.984

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VND

	Năm 2022	Năm 2021
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	539.978.220.764	376.549.991.509
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	565.175.840.992	395.030.108.466

36 . THÔNG TIN KHÁC.

Vụ kiện với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sìn Hồ

Theo Hợp đồng mua bán số 01/2015AGF-QC-TDMIR ngày 23/12/2015 và các phụ lục hợp đồng kèm theo về việc mua bán fillet cá tra đông lạnh giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang, Công ty TNHH Quang Chiến và Công ty TDMIR(Công ty được thành lập và hoạt động tại Nga), Công ty TNHH Quang Chiến là đơn vị trung gian đại diện cho Công ty TDMIR giao dịch, thanh toán tiền hàng cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang.

Từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2016, Công ty đã thực hiện xuất khẩu 672 tấn cá tra fillet cho Công ty TDMIR theo hợp đồng đã ký kết. Từ tháng 03/2016 đến tháng 05/2016, Công ty đã nhận được thanh toán từ Công ty TNHH Quang Chiến. Tổng số tiền Công ty TNHH Quang Chiến đã thanh toán cho Công ty theo hợp đồng này là 1.314.600 USD, tương đương 29.299.428.680 VND tại thời điểm thanh toán.

Theo kết luận Bản án sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 28/08/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Lai Châu và Bản án phúc thẩm số 217/2022/HS-PT ngày 13/04/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trách nhiệm hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang đã nhận thanh toán tiền hàng từ tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến chiếm đoạt được từ Ngân hàng. Công ty đã trích trước khoản tiền này vào kết quả kinh doanh năm 2021.

Ngày 06/01/2023, Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên đã ra quyết định thi hành án chủ động số 879/QĐ- CCTHADS buộc Công ty hoàn trả 29.299.428.680 VND cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ quyết định. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đang thu xếp nguồn vốn để nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Cam kết khác

Công ty đang dùng toàn bộ các tài sản của Công ty tại Xí nghiệp AGF 9 thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hùng Vương (Công ty mẹ) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thế chấp số 0101/NHNT-TC ngày 08/12/2016 và Hợp đồng thế chấp số 0096/NHNT- TC ngày 11/11/2016.

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài những sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 36, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38.. BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Do chỉ hoạt động kinh doanh, chế biến thủy sản nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	475.033.905.772	65.320.263.616	540.354.169.388
Tài sản bộ phận	334.484.522.639	-	334.484.522.639
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.032.049.769	-	2.032.049.769

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương - Miền Tây	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	Công ty do bà Trần Ngọc Vân, thành viên HĐQT kiểm soát

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Năm 2022	Năm 2021
Mượn tiền	-	1.036.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	-	1.036.000.000
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022 (tiếp theo)

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt		1.348.248.076	1.134.140.866
Ông Châu Duy Cường(*)	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Dương Ngọc Minh(*)	Phó chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	425.000.000	406.503.000
Bà Trần Ngọc Vân(*)	Thành viên HĐQT	-	-

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 15/01/2022, Bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày	337.000.000	-
Ông Võ Văn Phong	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm từ ngày	6.020.000	280.372.000
Ông Huỳnh Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ	287.286.000	-
Ông Võ Thành Thông	nhiệm từ ngày 19/07/2022) Phó Tổng Giám đốc	-	170.859.000
	(Không tham gia điều		
	hành từ ngày 09/06/2021)		
Bà Lê Thị Ngọc Giàu	Trưởng ban Kiểm soát	96.412.000	86.400.000
Ông Nguyễn Tường Huy	Thành viên BKS	90.655.000	87.020.000
Bà Nguyễn Phạm Bảo Châu	Thành viên BKS	105.875.076	102.986.866

(*) Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các thành viên HĐQT không tham gia điều hành không nhận thu nhập từ Công ty.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hồ Xuân Hương
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ký
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TRỤ SỞ CHÍNH

-  1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức
Tp. Long Xuyên, An Giang
-  (0296) 3852368
-  (0296) 3852202
-  info@agifish.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

-  94 - 96 Nguyễn Du, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh
-  (028) 3825 1100
-  (028) 3822 5022
-  info@agifish.com.vn